

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Nhi Trung ương có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu mua sắm thiết bị y tế cho Trung tâm Tế bào gốc với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Nhi Trung ương
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
 - Phòng Vật tư - TBYT - Tầng hầm nhà 15 tầng, Bệnh viện Nhi Trung ương
 - Địa chỉ: Số 18/879 đường La Thành, Đống Đa, Hà Nội.
 - Số điện thoại: 024.6273.8661/62/63
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bộ phận Văn thư - Tầng 3 nhà 15 tầng Bệnh viện Nhi Trung ương
 - Địa chỉ: Số 18/879 đường La Thành, Đống Đa, Hà Nội.
- Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ 13 giờ 30, ngày 25 tháng 6 năm 2024 đến trước 16 giờ 30 ngày 05 tháng 7 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên không được xem xét.

- Thời gian có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 05 tháng 7 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục, số lượng và tiêu chuẩn kỹ thuật cơ bản: Chi tiết theo phụ lục đính kèm.
- Địa điểm cung cấp, lắp đặt: Bệnh viện Nhi Trung ương. Địa chỉ: số 18, ngõ 879 Đường La Thành, Đống Đa, Hà Nội. Yêu cầu báo giá bao gồm chi phí vận chuyển, lắp đặt và toàn bộ các loại thuế, phí liên quan.
- Thời gian giao hàng dự kiến: 120 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Thành phần và quy cách hồ sơ báo giá:

- Báo giá: theo mẫu tại Phụ lục 2
- Tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế.

Trân trọng! *sh*



Đ
/
/

Phụ lục 1

Danh mục, số lượng và tiêu chuẩn kỹ thuật cơ bản mua sắm thiết bị y tế cho Trung tâm Tế bào gốc

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Tính năng kỹ thuật cơ bản
1.	Máy gạt tách tế bào gốc ngoại vi	Chiếc	01	<ul style="list-style-type: none"> + Máy ứng dụng được nhiều chức năng khác nhau như: Thu tế bào gốc, trao đổi huyết tương, trao đổi hồng cầu, thu bạch cầu hạt, gạt bạch cầu điều trị, gạt tiểu cầu điều trị, xử lý tủy xương. + Có phần quản lý phân lớp tách tế bào tự động + Quản lý môi Custom (dùng trong trường hợp phải môi máu trước khi kết nối máy với những bệnh nhân có thể tích tuần hoàn thấp) + Có theo dõi cân bằng dịch + Lưu dữ liệu sau khi chạy quy trình + Có tích hợp buồng ly tâm tốc độ $\geq 1200G$ + Quản lý tốc độ truyền chất chống đông + Độ ồn $< 65dB$ + Tự động thu các thành phần khác nhau của bạch cầu + Có tích hợp máy hàn cầm tay + Sản xuất tại các nước G7
2.	Hệ thống hạ lạnh theo chương trình	Chiếc	01	<ul style="list-style-type: none"> + Dải nhiệt độ từ $-180^{\circ}C$ đến $30^{\circ}C$ + Thể tích buồng chứa $\geq 29L$ + Tốc độ gia nhiệt $0.01^{\circ}C/$ phút đến $10^{\circ}C/$phút + Tốc độ làm lạnh $0.01^{\circ}C/$ phút đến $50^{\circ}C/$phút + Có phần mềm để lưu dữ liệu, quy trình chạy máy + Sản xuất tại các nước G7
3.	Tủ âm CO2	Chiếc	04	<ul style="list-style-type: none"> + Dung tích $\geq 170L$ + Phạm vi CO2 từ 0.1 – 20%, độ ổn định tại 5% CO2: $\pm 0.1\%$ + Dải nhiệt độ từ $4^{\circ}C$ đến $50^{\circ}C$, độ ổn định nhiệt độ tại $37^{\circ}C$: $\pm 0.1^{\circ}C$ + Phạm vi O2 từ 0.1 – 20%, độ ổn định O2 tại $37^{\circ}C$: $\pm 0.1\%$ + Sản xuất tại các nước G7
4.	Tủ bảo quản tế bào gốc bằng ni tơ lỏng	Chiếc	01	<ul style="list-style-type: none"> + Lưu trữ mẫu ở pha hơi (Vapor phase) + Dung tích khí N2 $\geq 700L$, dung tích N2 bay hơi 115L + Thời gian lưu trữ tĩnh - bay hơi: 20 ngày + Công suất lưu trữ túi máu 25mL ≥ 2500 túi + Sản xuất tại các nước G7
5.	Máy hàn túi máu di động	Chiếc	02	<ul style="list-style-type: none"> + Công suất hàn ≥ 1000 lần với pin sạc đầy + Pin Lithium nhẹ, tuổi thọ pin lên đến 1000 lần sạc + Trọng lượng bao gồm cả pin nhẹ $< 5kg$, dễ thao tác
6.	Máy rã đông khô	Chiếc	01	<ul style="list-style-type: none"> + Rã đông khô tự động + Vật liệu trong buồng rã đông kháng khuẩn HDPE hoặc nhựa ABS kháng khuẩn + Dải nhiệt lên đến $+40^{\circ}C$, nhiệt độ tan băng từ $-20^{\circ}C$ đến $-196^{\circ}C$ + Dung tích túi rã đông lên đến 1000mL + Sản xuất tại các nước G7

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Tính năng kỹ thuật cơ bản
7.	Bơm chân không chống chịu hóa học	Chiếc	01	<ul style="list-style-type: none"> + Dùng trong nuôi cấy tế bào + Tiếng ồn vận hành ≤ 60dB + Tất cả các bề mặt bên trong (ngoại trừ van lá thép) được phủ bằng polyme PTFE + Màng ngăn được lót bằng PTFE để ngăn sự xâm nhập của hóa chất hoặc dung môi + Có bộ lọc lỗ thông hơi kỵ nước và ống dây chân không silicone
8.	Bàn ép huyết tương	Chiếc	02	<ul style="list-style-type: none"> - Tấm ép trong suốt để có thể nhìn thấy đầy đủ quá trình tách thủ công. - Tấm ốp lưng có chốt treo để cố định túi máu. - Có chân chống trượt giữ thiết bị cố định
9.	Dụng cụ trợ hút pipet điện tử	Chiếc	02	<ul style="list-style-type: none"> - Thể tích hút từ 0.5mL-100mL - Thích hợp với các loại pipet huyết thanh học - Thích hợp dùng trong nuôi cấy tế bào. Có tính năng phân phối thể tích hút (aliquote). Thể tích phân phối mẫu dao động từ 0.5-5mL - Kèm đầu lọc thay thế, giá đỡ pipet, bộ sạc điện và dây sạc + Sản xuất tại các nước G7
10.	Tủ An toàn sinh học cấp II	Chiếc	02	<ul style="list-style-type: none"> + Kích cỡ định danh: 1.2 m + Tủ an toàn sinh học cấp 2 class A2 + Diện tích buồng thao tác: $\geq 0.6 \text{ m}^2$ + Độ cao cửa mở: $\geq 25 \text{ cm}$. + Vận tốc khí vào $\geq 0.45\text{m/s}$; vận tốc khí ra $\geq 0.3 \text{ m/s}$. + Cửa kính kháng UV, có sensor báo khi cửa mở không đúng vị trí. + Thân tủ cấu tạo 2 lớp, bằng thép sơn tĩnh điện, vùng làm việc bằng Inox 304, vách 2 bên làm bằng inox 304 + Đèn UV trong buồng thao tác có hẹn giờ. Có khóa liên động an toàn cho cửa làm việc và đèn UV. + Màn hình hiển thị cảm ứng hiển thị: ngày và đồng hồ thời gian thực, dòng khí vào, dòng khí xuống, áp suất âm trung bình, thời gian chạy bộ lọc HEPA, thời gian chạy đèn UV. + Thiết kế đục lỗ 2 bên cạnh vách trong, hạn chế luồng không khí chết + Tủ có bánh xe để dễ dàng di chuyển
11.	Tủ âm sâu -30°C	Chiếc	01	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểu tủ đứng - Độ ồn: $\leq 46 \text{ dB (A)}$ - Khả năng làm lạnh tối đa: -40°C - Dung tích tủ: $\geq 300 \text{ lít}$ + Cảnh báo khi xảy ra hiện tượng nhiệt độ thực tế trong tủ cao hoặc thấp hơn nhiệt độ cài đặt + Cảnh báo khi tủ mở cửa quá lâu, cửa đóng không kín + Tủ được trang bị bánh xe để dễ dàng di chuyển - Có thể kết nối với phần mềm để trích xuất dữ liệu nhiệt độ các thời điểm
12.	Tủ lạnh 4°C chuyên dụng	Chiếc	03	<ul style="list-style-type: none"> + Phạm vi nhiệt độ: $4 \pm 1^{\circ}\text{C}$ + Độ chính xác nhiệt độ: $0,1^{\circ}\text{C}$

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Tính năng kỹ thuật cơ bản
				<ul style="list-style-type: none"> + Cảnh báo khi xảy ra hiện tượng nhiệt độ thực tế trong tủ cao hoặc thấp hơn nhiệt độ cài đặt + Cảnh báo khi tủ mở cửa quá lâu, cửa đóng không kín + Hệ thống rã đông tự động + Vật liệu bên trong: Thép không gỉ + Lớp cửa kính trong suốt với khóa + Tủ được trang bị bánh xe dễ dàng di chuyển + Dung tích tủ: ≥ 300 lít + Giá để mẫu: Các giá có thể điều chỉnh được khoảng cách + Có thể kết nối với phần mềm để trích xuất dữ liệu nhiệt độ các thời điểm
13.	Kính hiển vi quang học	Chiếc	01	<p>Hệ thống quang học: Vô cực Đầu quan sát loại 3 đường truyền quang chống mốc Thị kính chống mốc 10x, quang trường ≥ 20 mm, góc nhìn $\geq 30^\circ$ Mâm gắn vật kính: có 4 vị trí lắp vật kính 4X, 10X, 40X, 100X Độ phóng đại: 1000 lần Bàn sa trượt: khoảng 211 x 154 mm, dịch chuyển theo hai chiều X – Y Hệ thống chiếu sáng với nguồn sáng đèn LED, tuổi thọ dài 60.000 giờ</p>
14.	Kính hiển vi đảo ngược có gắn camera	Chiếc	01	<p>Hệ thống quang học: Vô tiêu Thực hiện được các kỹ thuật hiển vi sau: Kỹ thuật trường sáng, phản pha Mâm kính có thể gắn 04 vật kính. Bàn để mẫu cơ học được phủ lớp chống xước kích thước: 200 mm X 252 mm. Bộ phận giữ đĩa Petri. Bộ phận điều chỉnh mẫu theo 2 trục XY, điều khiển bên phải, có thể giữ các mẫu là đĩa nuôi cấy 96 giếng + Vật kính phẳng, tiêu sắc, phản pha các cỡ: 4X, 10X, 20X, 40X Hộp tụ quang có độ mở 0.3 dùng cho kỹ thuật trường sáng và phản pha Ống kính quan sát có cổng gắn camera Thị kính 10X, đường kính vi trường ≥ 22 mm Nguồn đèn LED Nhiệt độ màu sắc ánh sáng 4000 độ K Núm vận lấy tiêu cự với núm vận chỉnh tinh và chỉnh thô đồng trục với nhau Camera kỹ thuật số kèm phần mềm chỉnh ảnh Kích thước sensor: 1/1.8 inch Độ phân giải: 5 Megapixel Kích thước pixel: 2.4 x 2.4 μm Bộ chuyển đổi A/D: 8 bits</p>
15.	Máy đếm tế bào tự động cầm tay	Chiếc	01	<ul style="list-style-type: none"> + Có thể đếm được tế bào gốc trung mô: hiển thị nồng độ tế bào, kích thước tế bào trung bình. + Thể tích hút mẫu: $\leq 50\mu\text{L}$
16.	Máy xét nghiệm		01	<ul style="list-style-type: none"> + Được thiết kế với chế độ đặc hiệu để sử dụng kit phát

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Tính năng kỹ thuật cơ bản
	Mycoplasma	Chiếc		<ul style="list-style-type: none"> hiện mycoplasma cũng như các phương pháp phân tích sự phát quang khác như sự tăng sinh và hoạt tính gây độc tế bào hoặc phân tích chỉ thị luciferase + Bộ đọc tín hiệu: bộ đếm photon đơn siêu nhanh với dải quang phổ 380-630 nm + Độ nhạy: 1fmol ATP + Giá trị nền trung bình <20RLU/s
17.	Máy phát hiện độc tố Endotoxin	Chiếc	01	<ul style="list-style-type: none"> + Máy theo dõi sự sinh trưởng của vi khuẩn, sự tăng sinh tế bào, độc tế bào, nhận dạng vi khuẩn + Nguồn sáng: đèn Xenon + Dải bước sóng: 340 -850 nm + Dải đo trắc quang: 0.000 OD – 4.000 OD + Độ phân giải trắc quang: 0.004 OD
18.	Máy điện di 96 giếng	Chiếc	01	<ul style="list-style-type: none"> + Kích thước bể, thể tích đệm và khay điện di loại cho 96 giếng/1 lần chạy, 17 giếng x 6 hàng. + Lược điện di tương thích với pipet đa kênh để tải mẫu nhanh + Thời gian chạy điện di từ 20-30 phút
19.	Bồn rửa mắt khăn cấp	Chiếc	01	<ul style="list-style-type: none"> + Loại: cây, có sen tắm + Chậu and sen tắm: bằng nhựa ABS + Mô van bằng tay
20.	Máy khuếch đại gen PCR	Chiếc	01	<ul style="list-style-type: none"> + Máy có 96 vị trí cho ống PCR 0.2ml; 12 vị trí cho dây PCR 8 ống thể tích 0.2ml, 1 vị trí cho đĩa chạy PCR 96 giếng - Tốc độ gia nhiệt: 10°C/giây - Dải nhiệt độ: 4°C – 99°C - Mức độ đồng nhất của block nhiệt: ± 0.2°C + - Độ chính xác điều khiển: ± 0.15°C + Sản xuất tại các nước G7
21.	Tủ thao tác PCR chuyên dụng	Chiếc	02	<ul style="list-style-type: none"> + Màng lọc thô sợi polyurethane hỗ trợ lọc 85%, có thể giặt rửa. - Màng lọc chính: HEPA loại các hạt 0.3mm (99.99%) - Đèn UV bước sóng 253.7nm, 15W - Cấu trúc tủ: khung làm bằng thép hợp kim sơn tĩnh điện và phủ lớp sơn màu trắng, và lớp Isocide™ có khả năng chống nhiễm khuẩn. - Cửa và vách bên có khả năng lọc tia UV. - Bề mặt làm việc bằng thép không gỉ SUS 304, dày 1.2mm
22.	Máy truyền dịch	Chiếc	10	<p>1. Yêu cầu về cấu hình (cho 1 Máy) Máy truyền dịch và phụ kiện tiêu chuẩn kèm theo: 01 máy Bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Bộ cảm biến đếm giọt: 01 bộ + Kẹp cọc truyền: 01 cái + Dây nguồn: 01 cái </p> <p>2. Chỉ tiêu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màn hình màu ≥ 4 inch. - Thời gian sử dụng của ác qui liên tục: ≥ 5 giờ. - Các loại dây truyền dịch: Sử dụng với nhiều loại dây

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Tính năng kỹ thuật cơ bản
				<p>truyền dịch dùng cho máy truyền dịch.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tốc độ truyền: <ul style="list-style-type: none"> + 3 đến $\geq 300\text{mL/giờ}$ (đối với dây truyền 20 giọt/mL) + 1 đến $\geq 100\text{ mL/giờ}$ (đối với dây truyền 60 giọt/mL) + Bước đặt: $\leq 1\text{ mL/giờ}$ - Giới hạn thể tích dịch truyền: 0.10 đến $\geq 999\text{mL}$ (đặt từng 0.1; 1mL). Có chế độ không cài đặt giới hạn thể tích dịch truyền. - Độ chính xác: $\pm \leq 10\%$ - Ngưỡng áp lực báo tắc đường truyền: <ul style="list-style-type: none"> + Ngưỡng áp lực báo tắc trên: -100 đến -30 kPa hoặc hơn + Ngưỡng áp lực báo tắc dưới: 30 đến 120 kPa hoặc hơn + Có ≥ 10 mức cài đặt ngưỡng áp lực báo tắc dưới <p>Chức năng báo động: Có ≥ 2 cấp độ báo động bằng biểu tượng, màu sắc</p>
23.	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số	Chiếc	03	<p>1. Yêu cầu cấu hình (cho 01 máy):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính : 01 cái - Bộ phụ kiện tiêu chuẩn bao gồm: - Dây điện cực tim kèm cáp điện tim 3 hoặc 5 điện cực: 01 bộ - Điện cực dán điện tim : ≥ 25 cái - Ống nối đo huyết áp không xâm nhập : 01 cái - Bao đo huyết áp không xâm nhập các cỡ loại dùng nhiều lần: 01 cái mỗi loại - Cáp nối kèm đầu đo SpO2 loại sử dụng nhiều lần: 01 bộ - Đầu đo nhiệt độ sử dụng nhiều lần: 01 cái - Pin/Acquy dự phòng : 01 cái - Xe đẩy máy: 01 cái - Máy in : 01 cái - Giấy in nhiệt: 01 cuộn - Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt : 01 bộ <p>2. Chỉ tiêu kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màn hình : màu, cảm ứng, ≥ 12 inch - Số đầu nối đa năng : ≥ 2 - Các thông số theo dõi, cảnh báo cơ bản: ECG, Nhịp thở, SpO2/mạch, NIBP, nhiệt độ... - Kết nối: giữa các máy trạm, mạng, phần mềm bệnh án điện tử và hệ thống monitor trung tâm - Có chức năng phát hiện loạn nhịp và gọi lại - Có thể đánh dấu đồng bộ nhịp tim, nhịp thở và nhịp mạch - Hiển thị : <ul style="list-style-type: none"> + Các dạng sóng : nhịp tim, nhịp thở, NIBP, SPO2... ; có thể cài đặt màu sắc khác nhau cho

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Tính năng kỹ thuật cơ bản
				<p>từng dạng sóng, số sóng hiển thị tối đa ≥ 15</p> <ul style="list-style-type: none"> + Các thông số : nhịp tim, VPC, ST, nhịp thở, NIBP, SPO2, nhiệt độ... - Cảnh báo, báo động : <ul style="list-style-type: none"> + Bảng hình ảnh, âm thanh và đèn cảnh báo + Có thể cài đặt ngưỡng báo động, tạm ngừng báo động + Báo động các tín hiệu sống : nhịp tim, nhịp xung, ST, nhịp thở, ngưng thở, nhiệt độ, SPO2, NIBP... + Báo động loạn nhịp: ≥ 20 loại - Các thông số đo : <ul style="list-style-type: none"> + EEG : ≥ 3 đạo trình, tần số đáp ứng từ $\leq 0,05$ đến $\geq 100\text{Hz}$ + Nhịp tim : dải đo và báo động từ ≤ 15 đến ≥ 300 nhịp/phút + Nhịp thở : dải đo và báo động từ 0 đến ≥ 150 nhịp/phút + SPO2 : 0 đến 100% + Nhiệt độ : từ 0 đến $\geq 45^{\circ}\text{C}$ <p>+Huyết áp không xâm nhập (NIBP): dải đo và báo động: từ ≤ 10 đến $\geq 230\text{mmHg}$; dải đo áp lực (Cuff) từ 0 đến $\geq 300\text{ mmHg}$</p>
24.	Hệ thống theo dõi bệnh nhân trung tâm	Chiếc	01	<p>1. Yêu cầu cấu hình (cho 01 hệ thống):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy theo dõi trung tâm : 01 bộ - Máy theo dõi bệnh nhân 7 thông số: 03 cái <p>2. Chỉ tiêu kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy theo dõi trung tâm : <ul style="list-style-type: none"> + Kết nối : mạng, phần mềm bệnh án điện tử, ≥ 03 máy theo dõi bệnh nhân đầu giường + Bộ phần mềm kết nối với máy theo dõi bệnh nhân + Bộ giao diện, hệ thống kết nối mạng tới máy theo dõi bệnh nhân đầu giường + Bộ bàn phím và chuột + Bàn để máy + Màn hình điều khiển, hiển thị: ≥ 27 inch, Full HD, + Số sóng hiển thị/bệnh nhân: ≥ 01 sóng + Dữ liệu số hiển thị/bệnh nhân: ≥ 3 thông số + Sóng và dữ liệu số hiển thị phân biệt bằng các màu sắc khác nhau + Có thể lựa chọn số sóng hiển thị hoặc tự động + Các dạng sóng trên màn hình: ECG, nhịp thở RESP, nhịp mạch, (SpO2)... + Có thể tùy chọn hiển thị các thông số: HR,VPC, nhịp thở, nhịp mạch, NIBP, nhiệt độ, SpO2, ST... hoặc tự động + Cho phép nhập thông tin bệnh nhân và cài đặt các ngưỡng báo động cho các chỉ số sinh tồn + Chỉ thị báo động: Hiển thị cho mỗi máy theo dõi bệnh nhân bằng âm thanh và hình ảnh

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Tính năng kỹ thuật cơ bản
				<ul style="list-style-type: none"> + Ngưng báo động: Có thể ngưng báo động tại mỗi máy trạm + Có chức năng lưu và truy xuất lịch sử báo động + Cho phép cài đặt nhóm báo động cùng lúc - Máy theo dõi bệnh nhân 7 thông số gồm : + Cấu hình phần cứng cho mỗi máy: <ul style="list-style-type: none"> ▪ Dây điện cực tim kèm cáp điện tim cho 3 hoặc 5 điện cực: 01 bộ ▪ Điện cực dán điện tim: ≥ 25 cái ▪ Ống nối đo huyết áp không xâm nhập: 01 cái ▪ Bao đo huyết áp không xâm nhập các cỡ loại dùng nhiều lần: 01 cái mỗi loại ▪ Cáp nối kèm đầu đo SpO2 loại sử dụng nhiều lần: 01 cái ▪ Đầu đo nhiệt độ sử dụng nhiều lần: 01 cái ▪ Cáp nối kèm đầu đo huyết áp xâm nhập (IBP): 01 bộ ▪ Bộ đo EtCO2: 01 bộ ▪ Xe đẩy hoặc giá để máy: 01 cái ▪ Máy in nhiệt: 01 cái ▪ Giấy in nhiệt: 01 cuộn ▪ Pin/Acquy dự phòng: 01 cái + Yêu cầu chung cho mỗi máy : <ul style="list-style-type: none"> ▪ Màn hình : màu, cảm ứng, ≥ 12 inch ▪ Số đầu nối đa năng : ≥ 2 ▪ Các thông số theo dõi, cảnh báo cơ bản: ECG, Nhịp thở, SpO2/mạch, NIBP, nhiệt độ, IBP, CO2... ▪ Kết nối: giữa các máy trạm, mạng, phần mềm bệnh án điện tử và hệ thống monitor trung tâm ▪ Có chức năng phát hiện loạn nhịp và gọi lại ▪ Có thể đánh dấu đồng bộ nhịp tim, nhịp thở và nhịp mạch ▪ Hiển thị : <ul style="list-style-type: none"> ▪ Các dạng sóng : nhịp tim, nhịp thở, NIBP, SPO2... ; có thể cài đặt màu sắc khác nhau cho từng dạng sóng, số sóng hiển thị tối đa ≥ 15 ▪ Các thông số : nhịp tim, VPC, ST, nhịp thở, NIBP, SPO2, nhiệt độ, IBP, CO2... ▪ Cảnh báo, báo động : <ul style="list-style-type: none"> ○ Bảng hình ảnh, âm thanh và đèn cảnh báo ○ Điều chỉnh được báo động từ monitor trung tâm ○ Có thể cài đặt ngưỡng báo động, tạm ngừng báo động ○ Báo động các tín hiệu sóng : nhịp tim, nhịp xung, ST, nhịp thở, ngưng thở, nhiệt độ, SPO2, NIBP... ○ Báo động loạn nhịp: ≥ 20 loại ▪ Các thông số đo : <ul style="list-style-type: none"> ○ EEG : ≥ 3 đạo trình, tần số đáp ứng từ $\leq 0,05$ đến ≥ 100Hz ○ Nhịp tim : dải đo và báo động từ ≤ 15 đến ≥ 300 nhịp/phút ○ Nhịp thở : dải đo và báo động từ 0 đến ≥ 150

11/11/2023

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Tính năng kỹ thuật cơ bản
				<p>nhịp/phút</p> <ul style="list-style-type: none"> o SPO2 : 0 đến 100% o Nhiệt độ : từ 0 đến $\geq 45^{\circ}\text{C}$ o Huyết áp không xâm nhập (NIBP): dải đo và báo động: từ ≤ 10 đến $\geq 230\text{mmHg}$; dải đo áp lực (Cuff) từ 0 đến $\geq 300\text{ mmHg}$ o Huyết áp xâm nhập (IBP): dải đo và báo động: từ ≤ -50 đến $\geq 300\text{mmHg}$ + EtCO2: dải đo từ 0 đến $\geq 100\text{mmHg}$ Kết nối: giữa các máy trạm, mạng, phần mềm bệnh án điện tử và hệ thống monitor trung tâm + Màn hình hiển thị: cảm ứng, màu, ≥ 12 inch + Số đầu nối đa năng: ≥ 2 + Cáp nối kèm đầu đo SpO2 loại sử dụng nhiều lần: 01 cái + Đầu đo nhiệt độ sử dụng nhiều lần: 01 cái + Thời gian sử dụng ac quy: ≥ 60 phút + Theo dõi, cảnh báo các thông số cơ bản trong hồi sức cấp cứu: ECG, Nhịp thở, SpO2/mạch, NIBP, nhiệt độ... + Có chức năng phát hiện loạn nhịp và gọi lại + Điều khiển hoạt động : bằng phím bấm hoặc trên màn hình + Có chức năng đo nhanh, đặt thời gian đo, kích hoạt đo huyết áp khi phát hiện có sự tăng giảm đột biến + Có thể đánh dấu đồng bộ nhịp tim, nhịp thở và mạch + Thời gian lưu trữ dữ liệu bệnh nhân: ≥ 70 giờ + Số phép đo lưu trữ: ≥ 1000 phép đo + Số sự kiện báo động lưu trữ: ≥ 5000

Phụ lục 2 - Mẫu báo giá

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Nhi Trung ương

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Nhi Trung ương, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho danh mục hàng hóa như sau:

1. Báo giá hàng hóa và dịch vụ liên quan:

ST T	Tên thiết bị	Tiêu chuẩn kỹ thuật chi tiết	Model	Mã HS	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Hãng chủ sở hữu	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá đã bao gồm VAT (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VND)	Thành tiền (VND)
I														
...														
Tổng cộng														

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 90 ngày, kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin trong báo giá là trung thực.

....., ngày tháng.....năm 2023

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
Ký tên, đóng dấu (nếu có)

